

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÔNG CÔNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HS-ST  
Ngày 12-11-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Kỳ Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Anh.

2. Bà Lê Thị Dệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Doãn Phương Liên - Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2020/TLST - HS ngày 15 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

**Họ và tên:** Nguyễn Văn T, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1982 tại: phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn X, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng P, sinh năm: 1953, con bà Mai Thị H, sinh năm: 1964, cả bố và mẹ hiện sinh sống tại phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ 3; bị cáo có vợ là Lê Thị T1, sinh năm 1990, hiện sinh sống tại phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa và có 1 con sinh năm 2016.

Nhân thân: Năm 2009 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn) ra quyết định về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Năm 2013 bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Năm 2016 bị Công an huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn) xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tiền sự: Không.

Tiền án: Nguyễn Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn) xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 19/2019/HSST ngày 21/2/2019, đến ngày 20/8/2019 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/7/2020 đến ngày 16/7/2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hoá. Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa.

\* *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978.

ĐKHKT: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Lưu Xuân H1, sinh năm 1983.

ĐKHKT: Tiểu khu 3, phường H, thị xã N, Thanh Hóa

2. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1993.

ĐKHKT: Thôn G, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Anh Nguyễn Đình T1, sinh năm 1980.

ĐKHKT: Thôn T, xã P, thị xã N, Thanh Hóa.

4. Anh Vũ Trọng T2, sinh năm 1969.

ĐKHKT: Thôn X, phường H, TX. Nghi Sơn, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 19/4/2020 do thiếu tiền tiêu sài cá nhân, Nguyễn Văn T đã nảy sinh ý định lên huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa để trộm cắp tài sản. Sau đó T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Mio màu đen BKS 36P4 - 1092 đi theo đường tỉnh lộ 506 (đường Nghi Sơn - Sao vàng) đến xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Khi đi đến tiệm may, sửa quần áo của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 ở thôn Thái Tượng, xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ở ngay bên đường, thấy nhà mở cửa không có người trông coi chỉ thấy một cháu bé đang ngồi chơi trong nhà, T dừng xe ngoài cổng đi vào trong nhà và hỏi cháu bé “mẹ đâu” thì cháu bé đi vào trong nhà, cùng lúc T nhìn thấy có 01 chiếc điện thoại SAMSUNG Galaxy A7 màu vàng đang để trên bàn uống nước, T đi lại lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần đi ra xe nổ máy chạy thẳng về phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa, đi được khoảng

vài km, T dừng xe lại lấy chiếc điện thoại ra tháo hai sim vứt đi còn chiếc điện thoại T mang về nhà sử dụng đến khoảng tháng 6/2020 T mang chiếc điện thoại đến quán điện thoại di động Q ở phường H, thị xã N bán được 2.000.000đ. Số tiền trên T đã tiêu sài cá nhân hết.

Đến ngày 07/7/2020 nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, Nguyễn Văn T đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp chiếc xe mô tô là phương tiện đi trộm cắp tài sản.

Ngày 10/7/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng huyện Nông Cống định giá đối với 01 chiếc điện thoại SAMSUNG Galaxy A7 64Gb màu vàng đời máy 2017. Chiếc điện thoại trên được mua năm 2018 đã qua sử dụng. 01 chiếc sim điện thoại mạng Viettel, 01 chiếc sim điện thoại mạng vina.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/ĐGTS ngày 13/7/2020 của HĐĐG huyện Nông Cống kết luận:

- 01 Chiếc điện thoại SAMSUNG Galaxy A7 64Gb màu vàng đời máy 2017 có giá 3.200.000đ.

- 01 Chiếc sim điện thoại mạng Viettel có giá 25.000đ;

- 01 Chiếc sim điện thoại mạng Vina có giá 25.000đ.

Tổng cộng: 3.250.000đ.

Bị hại là chị Nguyễn Thị L cho biết vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 19/4/2020 khi chị đang nấu cơm ở dưới bếp thì nghe ngoài nhà có tiếng người đàn ông hỏi con trai chị là “mẹ đang ở đâu” thì con trai chị chạy vào bếp gọi chị, chị chạy ra thì thấy một người đàn ông lên xe máy bỏ đi. Chị quay vào nhà thì phát hiện chiếc điện thoại của chị để trên bàn uống nước trước lúc vào nấu cơm không còn ở đấy nữa. Chị nghi ngờ đã bị mất chiếc điện thoại nên chị chạy sang nhà hàng xóm xem lại camera và nhờ các mối quan hệ thì được biết người thanh niên ấy giống người tên Thành ở phường H, thị xã N. Nay chị yêu cầu đối tượng phải trả lại tài sản cho chị và xử lý nghiêm trước pháp luật.

Đối với anh Lưu Xuân H1 cho biết vào chiều ngày 20/6/2020 khi anh đang sửa điện thoại thì có một nam thanh niên tên T (người ở cùng phường với anh) đến hỏi có mua điện thoại cũ không thì anh trả lời là có thì nam thanh niên tên T có nói với anh là do điện thoại không còn nhu cầu dùng và thiếu tiền tiêu sài cá nhân nên muốn bán. Sau đó anh có mở điện thoại thì thấy ảnh cưới của hai vợ chồng T nên anh tin mua với giá 2.000.000đ. Sau đó hai ngày anh đã bán cho khách với giá 2.000.000đ. Nếu anh biết chiếc điện thoại trên là do trộm cắp mà có thì anh sẽ không mua. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống không đủ căn cứ để xử lý Lưu Xuân H1.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA MIO màu đen có số máy 23B3054438, số khung RLCM23B30BY054438 là phương tiện T dùng để đi trộm cắp tài sản Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã tra cứu nguồn gốc chiếc xe. Phòng CSGT Công an tỉnh Thanh Hóa xác định chiếc xe trên là tài sản của chị Nguyễn Thị D ở thôn G, TT G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Quá trình xác minh chị D cho biết vào năm 2011 chị có mua một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA MIO màu đen BKS 88G1 - 063.78 đăng ký mang tên Nguyễn Thị D. Sau đó chị có đi đến hiệu gọi đầu thì bị mất đến nay vẫn không tìm thấy. Do giá trị chiếc xe không quá lớn nên chị không trình báo với cơ quan Công an. Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã thông báo cho chủ sở hữu được biết và đã trả lại cho chị Nguyễn Thị D.

Đối với BKS 36P4 - 1092 được lắp trên xe không phải là biển kiểm soát của phương tiện hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đang bảo quản tại kho vật chứng chờ xử lý.

Quá trình mở rộng xác minh đối với chiếc xe anh Vũ Trọng T2, sinh năm 1993 ở phường H, thị xã N cho biết: vào cuối năm 2019 anh có mua một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA MIO màu đen BKS 36P4 - 1092 từ một người nam thanh niên đi ngang qua nhà. Người nam thanh niên đó nói do chiếc xe đã cũ không còn nhu cầu sử dụng muốn bán đi nên anh T2 thấy người này đáng tin và cũng hoàn cảnh nên đồng ý mua chiếc xe với giá 1.200.000đ. Đến đầu năm 2020 sau khi tu sửa chiếc xe anh T2 bán lại cho Nguyễn Văn T với giá 1.800.000đ.

Quá trình điều tra về biển kiểm soát 36P4 - 1092 xác định anh Nguyễn Đình T1 sinh năm 1980 hiện ở thôn T, xã P, thị xã N anh cho biết vào khoảng năm 2008 anh có mua một chiếc xe mô tô nhãn hiệu MIKADO màu đen bạc BKS 36P4 - 1092 dùng làm phương tiện đi lại. Sau khi sử dụng một thời gian do xe đã cũ và hư hỏng nên vào cuối năm 2010 anh đã bán chiếc xe trên cho một người đi mua phế liệu được 1.500.000đ bao gồm cả giấy tờ xe, thân xe và BKS 36P4 - 1092. Từ đó cho đến nay anh không biết gì về thông tin của chiếc xe. Đến nay khi làm việc với Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống anh mới biết BKS 36P4 - 1092 của chiếc xe được gắn cho chiếc xe mô tô YAMAHA MIO màu đen là phương tiện để đi trộm cắp.

#### **Vật chứng vụ án:**

- *Vật chứng không thu giữ được:*

+ 01 Chiếc điện thoại SAMSUNG Galaxy A7 64Gb màu vàng đời máy 2017.

+ 01 Chiếc sim điện thoại mạng Viettel;

+ 01 Chiếc sim điện thoại mạng Vina.

- *Phương tiện thu giữ được:*

+ 01 Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA MIO màu đen có số máy 23B3054438, số khung RLCM23B30BY054438 hiện chiếc xe trên đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị D.

+ 01 biển kiểm soát xe mô tô 36P4 - 1092.

Tại Bản cáo trạng số 59/CT-VKSNC ngày 15/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công truy tố Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát luận tội giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại số tiền 3.250.000đ nhưng được trừ đi số tiền 1.000.000đ đã nộp tại chi cục THADS huyện Nông Công, bị cáo còn phải bồi thường 2.250.000đ.

Về xử lý vật chứng: BKS 36P4 - 1092 được lắp trên xe mô tô không phải là biển kiểm soát của phương tiện nên tịch thu, tiêu hủy;

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ gồm: Lời khai bị cáo quá trình điều tra, lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng vật chứng vụ án. Như vậy, đủ căn cứ chứng minh vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 19/4/2020 Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại SAMSUNG Galaxy A7 64Gb màu vàng đời máy 2017 có giá

3.200.000đ bên trong có hai sim 01 sim điện thoại mạng Viettel có giá 25.000đ và 01 sim điện thoại mạng vina có giá 25.000đ của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 ở thôn Thái Tượng, xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống tổng giá trị tài sản là 3.250.000đ. Đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Vì vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, phù hợp pháp luật.

Đánh giá về việc bị cáo sở hữu chiếc xe máy Yamaha đã đưa đến giao nộp cho Cơ quan Điều tra Công an huyện Nông Cống và là chiếc xe mà chị Nguyễn Thị D ở thôn G, TT G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc bị mất trộm năm 2011:

Nguồn gốc chiếc xe máy là của anh Vũ Trọng T2, sinh năm 1993 ở phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa mua của một người không rõ tên tuổi, địa chỉ vào năm 2019, khi mua không có giấy tờ, giá 1.200.000đ. Đến đầu năm 2020 sau khi tu sửa chiếc xe, anh T2 bán lại cho Nguyễn Văn T với giá 1.800.000đ.

Đối với biển kiểm soát 36P4 - 1092 được lắp trên xe giao nộp là của chiếc mô tô nhãn hiệu MIKADO màu đen bạc BKS 36P4 - 1092 của anh Nguyễn Đình T1 sinh năm 1980 hiện ở thôn T, xã P, thị xã N mua vào khoảng năm 2008. Sau khi sử dụng một thời gian do xe đã cũ và hư hỏng nên vào cuối năm 2010 anh đã bán chiếc xe trên cho một người đi mua phế liệu được 1.500.000đ bao gồm cả giấy tờ xe, thân xe và BKS 36P4 - 1092. Từ đó cho đến nay anh không biết gì về thông tin của chiếc xe.

Sau khi điều tra, Cơ quan CSĐT đã làm rõ được việc anh Vũ Trọng T2 và anh Nguyễn Đình T1 không biết gì về việc chiếc xe mang biển số giả và không biết gì về việc chiếc xe của chị D bị trộm cắp. Vì vậy việc không xử lý đối với anh T2 và anh T1 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm như sau: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, làm mất trật tự an ninh, gây hoang mang trong nhân dân, gây nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, cần xử lý nghiêm để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt và giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân:

Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng: Nguyễn Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn) xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 19/2019/HSST ngày 21/2/2019, đến ngày 20/8/2019 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú đã tác động với người thân để bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo và bị cáo có bố là

người tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân chương thuộc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội xử phạt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp XLHC đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[5] Về hình phạt: Để tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tội phạm cần phải áp dụng Điều 38 của Bộ luật hình sự để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung nhưng được xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 3.250.000đ là giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị L nhưng được trừ đi 1.000.000đ đã tự nguyện nộp tại Chi cục THADS huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0001880 ngày 12/11/2020.

[7] Về vật chứng:

Chiếc điện thoại di động bị cáo chiếm đoạt được đưa đến bán cho anh Lưu Xuân H2, sau đó anh H2 đã bán lại cho người khác và không thu giữ được. Đối với 02 chiếc sim điện thoại bị cáo tháo và vứt bỏ nên cũng không thu hồi được.

Đối với chiếc xe máy Yamaha Mio màu đen có số máy 23B3054438, số khung RLCM23B30BY054438 là của chị Nguyễn Thị D ở thôn G, TT G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc bị mất trộm năm 2011. Sau khi thu giữ chiếc xe máy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã xác minh làm rõ và trả lại cho chị D là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với BKS 36P4 - 1092 được lắp trên xe mô tô thu giữ của Nguyễn Văn T được cấp cho xe mô tô nhãn hiệu MIKADO màu đen bạc của anh Nguyễn Đình T1 sinh năm 1980 hiện ở thôn T, xã P, thị xã N không phải là biển kiểm soát của phương tiện nên tịch thu, tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo có tội, bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 30; Điều 136, Điều 331, Điều 332 BLTTHS; Điều 584, Điều 589 và Điều 357 Bộ luật Dân sự;

khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên bố: Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 12(mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (07/7/2020).

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Văn T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị L số tiền là 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ đi số tiền 1.000.000đ(một triệu đồng) đã nộp tại Chi cục THADS huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0001880 ngày 12/11/2020. Nguyễn Văn T còn phải bồi thường 2.250.000đ(Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự*

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu, tiêu hủy 01 BKS 36P4 - 1092 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/11/2020 giữa Chi cục THADS huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa và Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

4. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**



- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT. DL (16).

**Đã ký**

**Võ Kỳ Anh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Anh   Lê Thị Dệt**

**Võ Kỳ Anh**